

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 15
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 26/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 11-8-2025

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 15 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thuý Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Đặng Minh Lý.
- Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Cao Minh Thư - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân Khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hoài – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 262/2025/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2025 về việc “ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2025/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Hà Minh T, sinh năm 1972; địa chỉ: Số A, đường P, tổ C, khu phố E, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường P, Thành phố Hồ Chí Minh), có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Lê Tuyết M, sinh năm 1981; địa chỉ: Số A, đường P, tổ C, khu phố E, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường P, Thành phố Hồ Chí Minh), vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 21 tháng 3 năm 2025 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Hà Minh T trình bày:

Ông Hà Minh T và bà Lê Tuyết M kết hôn năm 2019, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 66, ngày 25 tháng 6 năm 2019. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện.

Thời gian đầu sau khi kết hôn, bà Lê Tuyết M và ông Hà Minh T chung

sống hạnh phúc, thời gian sau này vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã; nguyên nhân mâu thuẫn do bà M ham chơi cờ bạc, không quan tâm, chăm sóc gia đình, con cái; ông T đã nhiều lần khuyên ngăn bà M nhưng bà M không sửa đổi bản thân. Bà M đã bỏ nhà đi từ ngày 18 tháng 02 năm 2025 đến nay; nhận thấy tình cảm vợ chồng không hàn gắn được, vợ chồng không còn tình cảm với nhau nên ông T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bà Lê Tuyết M.

Về con chung: Ông Hà Minh T và bà Lê Tuyết M có 01 con chung tên Lê Hà Tuyết N, sinh ngày 16 tháng 8 năm 2016. Theo đơn khởi kiện, ông T yêu cầu được nuôi dưỡng cháu N; quá trình giải quyết vụ án, ông T cho rằng hiện nay cháu N đang sống cùng với bà M nên khi ly hôn, ông T yêu cầu Tòa án giao con chung cho bà M nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Hà Minh T và bà Lê Tuyết M tự thỏa thuận, ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Lê Tuyết M: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện thủ tục đăng thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng để thông báo các văn bản tố tụng cho bà M, thông báo thời gian mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thời gian mở phiên tòa nhưng bà Lê Tuyết M không đến Tòa án tham gia tố tụng; không gửi văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông Hà Minh T; không có yêu cầu phản tố đối với vụ án.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn ông Hà Minh T vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn bà Lê Tuyết M vắng mặt không có lý do.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh) thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, bị đơn không chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng. Đại diện Viện kiểm sát không có ý kiến và yêu cầu khắc phục gì thêm về tố tụng.

Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Ngày 21 tháng 3 năm 2025, ông Hà Minh T có đơn khởi kiện ly hôn, tranh chấp về nuôi con với bà Lê Tuyết M nên đây là vụ án

“ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo quy định tại Điều 51, Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền: Bị đơn bà Lê Tuyết M có nơi cư trú tại phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường P, Thành phố Hồ Chí Minh). Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.3] Về việc tham gia phiên tòa của đương sự: Nguyên đơn ông Hà Minh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn bà Lê Tuyết M đã được triệu tập tham gia phiên tòa vào các ngày 04 tháng 8 năm 2025 và ngày 11 tháng 8 năm 2025 nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt tất cả các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Hà Minh T và bà Lê Tuyết M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào năm 2019 tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận kết hôn số 66, ngày 25 tháng 6 năm 2019 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Ông Hà Minh T trình bày: Thời gian đầu sau khi kết hôn, bà Lê Tuyết M và ông Hà Minh T chung sống hạnh phúc, thời gian sau này vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã; nguyên nhân mâu thuẫn do bà M ham chơi cờ bạc, không quan tâm, chăm sóc gia đình, con cái; ông T đã nhiều lần khuyên ngăn bà M nhưng bà M không sửa đổi bản thân. Bà M đã bỏ nhà đi từ ngày 18 tháng 02 năm 2025 đến nay; nhận thấy tình cảm vợ chồng không hàn gắn được, vợ chồng không còn tình cảm với nhau nên ông T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bà Lê Tuyết M.

Xét thấy, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập bà Lê Tuyết M để Tòa án tiến hành hòa giải đoàn tụ gia đình nhưng bà M không đến Tòa án làm việc và cũng không có văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông T, điều này chứng tỏ bà M không có thiện chí mong muốn gia đình được đoàn tụ. Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định, hôn nhân giữa ông Hà Minh T và bà Lê Tuyết M đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hà Minh T về việc ly hôn với bà Lê Tuyết M.

[2.2] Về con chung: Ông Hà Minh T và bà Lê Tuyết M có 01 con chung tên Lê Hà Tuyết N, sinh ngày 16 tháng 8 năm 2016. Từ thời điểm ông T và bà M không còn sống chung thì cháu N sống cùng với bà M. Do đó, việc giao cháu N cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Hà Minh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Xét thấy, quan điểm giải quyết vụ án của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông Hà Minh T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 180, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hà Minh T đối với bà Lê Tuyết M về việc “ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Hà Minh T được ly hôn đối với bà Lê Tuyết M (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 66, ngày 25 tháng 6 năm 2019 do Ủy ban nhân dân phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương cấp).

- Về con chung: Giao cháu Lê Hà Tuyết N, sinh ngày 16 tháng 8 năm 2016 cho bà Lê Tuyết M trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Không đặt vấn đề giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích về mọi mặt của con khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt vấn đề giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Hà Minh T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001894 ngày 06 tháng 5 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

3. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định.

Theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Ủy ban nhân dân phường H (nay là Ủy ban nhân dân phường P, Thành phố Hồ Chí Minh);
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thúy Hằng